TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **52**/2024/HS-ST
Ngày: 23/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Bà Phạm Thị Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về việc dời phiên tòa hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HSST-TB ngày 17 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Cao Ngọc S** (tên gọi khác: Tí, Tý, Bi L); Sinh ngày: 01/3/1989; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 34/22B đường BT, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 51 đường Phú Định, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 1/12 (bị cáo khai biết đọc, biết viết); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ (bị cáo khai cha tên Bùi Ngọc T) và bà: Cao Thị Ánh T1; Có vợ: Không và con: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/10/2023.

Tiền án:

- Ngày 17/7/2009, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 118/2009/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/7/2012 và đã thi hành xong án phí vào tháng 6/2010 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 692/GCN của Trại giam An Phước và Công văn trả lời xác minh số: 2375/CCTHADS-VP ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 01/8/2014, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 300/2014/HSST). Chấp hành xong

hình phạt tù ngày 28/9/2018 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 566/GCN của Trại giam Mỹ Phước). Bị cáo chưa thi hành xong án phí (Công văn trả lời xác minh số: 23225/CCTHADS-VP ngày 28/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Tiền sự: Ngày 17/11/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 19 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 295/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 08/3/2022 (Giấy chứng nhận số: 612/CN-CS3 ngày 26/02/2022 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 3).

Nhân thân:

- Ngày 27/01/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 190/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2006 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 170/GCN của Trại giam Cây Cầy). Không có thông tin về việc thi hành án dân sự của Cao Ngọc S (Công văn trả lời xác minh số: 23225/CCTHADS-VP ngày 28/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 15/5/2007, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 70/2007/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2008 và đã thi hành xong án phí (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 954/GCN của Trại giam Tống Lê Chân). Chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 chưa nhận được đơn yêu cầu thi hành án của bị hại (Công văn trả lời xác minh số: 2374/CCTHADS-VP ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Võ Văn T2**; Sinh ngày: 30/12/2000; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 41/15/7 đường TĐH, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn T3 và bà: Huỳnh Thị Thu T4; Có vợ: Là bà Huỳnh Kim P (không đăng ký kết hôn) và con: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/10/2023.

Tiền án: Ngày 27/5/2022, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội «Cố ý gây thương tích» (Bản án số: 68/2022/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/11/2022 và đã thi hành xong án phí ngày 13/01/2023 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 877/GCN của Trại giam Xuyên Mộc và Công văn trả lời xác minh số: 671/CCTHADS ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại:

1. Ông Phạm Quốc M; Sinh năm: 1971; Trú tại: 1459/22 đường PTH, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Trần Lệ T5; Sinh năm: 1981; Thường trú: 507/10, tầng 1A, đường PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 507/14 đường PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Đặng Thái H; Sinh năm: 1996; Thường trú: 213B đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 231/3B đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Phạm Văn A; Sinh năm: 1981; Thường trú: Ấp E, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An; Chỗ ở: Số 11B (số cũ 134/13) đường NCT, khu phố Đ A, phường Đ H, thành phố DA, tỉnh Bình Dương.

(vắng mặt)

3. Hộ kinh doanh BL; Địa chỉ: 636 đường HB, Phường P, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện Hộ kinh doanh: Bà Võ Thị N; Sinh năm: 1978; Trú tại: 27/13 đường TT (nối dài), Phường P, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Trần Thanh T6; Sinh năm: 1982; Thường trú: 74/703 đường TC, phường HL, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: 636 đường HB, Phường P, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/9/2023, ông Phạm Quốc M đến Công A Phường 3, Quận 6 trình báo việc bị mất 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda, loại xe Wave A, màu trắng đen bạc, biển số 59L2-725.40 tại trước chung cư GP, địa chỉ 445-449 đường GP, Phường C, Quận F vào ngày 22/9/2023.

Ngày 03/10/2023, bà Trần Lệ T5 đến Công A Phường 7, Quận 6 trình báo việc bị mất chiếc xe đạp điện hiệu Sport (NIJIA) màu đen tại trước nhà số 507/14 đường PVC, Phường G, Quận F vào ngày 14/9/2023.

Từ dữ liệu Camera an ninh, Cơ quan điều tra Công A Quận 6 triệu tập Cao Ngọc S, lên trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, S khai: Khoảng 16 giờ ngày 14/9/2023, S đi bộ vòng quanh các tuyến đường ở Quận 6 tìm tài sản lấy trộm. Khi đi bộ ngang nhà số 507/14 đường PVC, Phường G, Quận F, S phát hiện có chiếc xe đạp điện hiệu Sport màu đen của bà Trần Lệ T5 đang để trước nhà này mà không có người trông coi, nên đến lấy, rồi điều khiển xe tẩu thoát về hướng Quận 8. Sau đó, S đem chiếc xe vừa chiếm đoạt được bán cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) ở khu vực cổng bến xe Quận 8 với giá 2.000.000 đồng.

Đến khoảng 10 giờ ngày 22/9/2023, S tiếp tục đi bộ vòng quanh các tuyến đường ở Quận 6 tìm tài sản. Khi đến trước chung cư GP, địa chỉ 445-449 đường GP, Phường C, Quận F, S phát hiện có chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave Alpha, biển số 59L2-725.40 của ông Phạm Quốc M để trước chung cư. Quan sát thấy chìa khóa xe còn cắm ở cốp xe mà không có người trông coi, nên đến lấy chìa khóa mở công tắc, điều khiển xe tẩu thoát về hướng Quận 8. Sau đó, S đem xe đến nhà của Võ Văn T2, địa chỉ 41/15/7 đường TĐH, Phường P, Quận H. Tại đây, S mở cốp xe kiểm tra thì thấy bên trong có 01 Giấy đăng ký xe và số tiền 10.000.000 đồng, S lấy tiền cất vào trong túi quần, rồi nói cho T2 biết là xe vừa lấy trộm được, đồng thời nhờ T2 đem bán. Sau khi đồng ý, T2 kêu S chờ rồi lấy xe đi. Một lúc sau, T2 quay về gặp S nói cầm được chiếc xe với giá 7.000.000 đồng và T2 đưa cho S 5.000.000 đồng.

Trên cơ sở lời khai của Cao Ngọc S, Cơ quan điều tra Công A Quận 6 triệu tập Võ Văn T2 lên trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, T2 khai: Mặc dù biết rõ chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave Alpha, biển số 59L2-725.40 là do Cao Ngọc S chiếm đoạt được, nhưng T2 vẫn đồng ý giúp S đem đến tiệm cầm đồ BL, địa chỉ 636 đường HB, Phường P, Quận K cầm cho ông Trần Thanh T6 với giá 7.000.000 đồng, T2 đưa cho S 5.000.000 đồng. Đến ngày 23/9/2023, T2 gặp ông T6 chuộc lại chiếc xe, rồi đem bán cho ông Đặng Thái H lấy 8.000.000 đồng tiêu xài.

Ông Đặng Thái H khai: Ngày 23/9/2023, Võ Văn T2 đem chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave Alpha, biển số 59L2-725.40 đến bán cho ông với giá 8.000.000 đồng. Qua kiểm tra, thấy xe có giấy tờ hợp lệ, nên ông H đồng ý mua. Sau đó, do không có tiền, ông H bán chiếc xe lại cho ông Phạm Văn A với giá 9.100.000 đồng.

Quá trình điều tra, ông Phạm Văn A khai tương tự lời khai của ông Đặng Thái H, đồng thời giao nộp lại chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave Alpha, biển số 59L2-725.40; ông Đặng Thái H giao nộp lại số tiền 9.100.000 đồng cho Cơ quan điều tra Công A Quận 6.

Theo kết quả xét nghiệm chất ma túy cùng ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Trạm y tế Phường 3, Quận 6, Cao Ngọc S và Võ Văn T2 đều dương tính với Methamphetamine.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 90/KL-HĐĐGTS ngày 10 tháng 10 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc xe gắn máy hiệu Honda, loại xe Wave A, màu trắng đen bạc, biển số 59L2-725.40, số khung 3904H622488, số máy JA39E0597618 (tình trạng sử dụng còn khoảng 70%) tại thời điểm ngày 22/9/2023 là: 9.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 95/KL-HĐĐGTS ngày 17 tháng 10 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc xe đạp điện hiệu Sport (NIJIA) màu đen (tình trạng sử dụng còn khoảng 50%) tại thời điểm ngày 14/9/2023 là: 3.200.000 đồng.

Ngày 11 tháng 10 năm 2023, Cơ quan điều tra Công A Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 160/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Cao Ngọc S về tội «Trộm cắp tài sản» (Quyết định số: 163/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Võ Văn T2 về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» (Quyết định số: 164/QĐ-ĐCSHS).

Đối với các ông Trần Thanh T6, Đặng Thái H, Phạm Văn A, là những người có hành vi cầm, mua chiếc xe gắn máy hiệu Honda, loại xe Wave A, màu trắng đen bạc, biển số 59L2-725.40, nhưng các ông này đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 13/CT-VKS-Q6 ngày 25 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Cao Ngọc S về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Võ Văn T2 về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Cao Ngọc S khai nhận chính bị cáo, đã thực hiện 02 vụ lấy trộm tài sản (01 vụ lấy trộm 01 chiếc xe đạp điện hiệu Sport màu đen của bà Trần Lệ T5 tại trước nhà số 507/14 đường PVC, Phường G, Quận F vào chiều ngày 14/9/2023; 01 vụ lấy trộm 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave A, màu trắng đen bạc (bị cáo không nhớ biển số) của ông Phạm Quốc M tại trước chung cư GP, địa chỉ 445-449 đường GP, Phường C, Quận F vào trưa ngày 22/9/2023 như nội dung bản cáo trạng nêu và bị cáo đồng ý bồi thường trị giá chiếc xe đạp điện theo yêu cầu của bị hại;

Bị cáo Võ Văn T2 khai sau khi biết rõ chiếc xe gắn máy hiệu Honda, Wave A, màu trắng đen bạc, biển số 59L2-725.40 là xe do bị cáo Cao Ngọc S chiếm đoạt được của người khác, nhưng bị cáo vẫn đồng ý đem cầm lấy 7.000.000 đồng (bị cáo đưa cho S 5.000.000 đồng, giữ lại 2.000.000 đồng). Sau đó, bị cáo chuộc lại chiếc xe và đem bán cho ông Đặng Thái H với giá 8.000.000 đồng như nội dung bản cáo trạng nêu. Nay, bị cáo đồng ý hoàn trả 8.000.000 đồng cho ông H và không yêu cầu bị cáo S cùng liên đới chịu trách nhiệm với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Cao Ngọc S từ 04 năm đến 05 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Võ Văn T2 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» theo khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1

Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Cao Ngọc S bồi thường cho bà Trần Lệ T5 trị giá chiếc xe đạp điện hiệu Sport (NIJIA) màu đen là 3.200.000 đồng.

Buộc bị cáo Võ Văn T2 hoàn trả cho ông Đặng Thái H số tiền 8.000.000 đồng.

Riêng ông Phạm Quốc M không yêu cầu bồi thường, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đỏ, số Imei: 354402100725118.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun trắng; 01 quần Jean xám; 01 nón lưỡi trai màu xám đen đỏ; 01 đôi găng tay màu xám.

Trả lại ông Phạm Văn A 9.100.000 (chín triệu một trăm ngàn) đồng.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công A Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Đối với 03 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến việc Cao Ngọc S lấy trộm tài sản và ghi nhận sự việc tại tiệm cầm đồ) và 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai Cao Ngọc S, Võ Văn T2), đều đã được niêm phong (BL 399), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Võ Văn T2 nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

Riêng bị cáo Cao Ngọc S không tranh luận và cũng không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công A Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera,

Khám nghiệm hiện trường ngày 30/9/2023 và ngày 03/10/2023 của Công A Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; các Kết luận định giá tài sản số: 90/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2023, số: 95/KL-HĐĐGTS ngày 17/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Trần Lệ T5, Phạm Quốc M; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Thanh T6, Đặng Thái H, Phạm Văn A; của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Cao Ngọc S đã phạm tội «Trộm cắp tài sản», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Võ Văn T2 đã phạm tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

[2.1] Với ý định phạm tội có từ trước, khoảng 16 giờ ngày 14/9/2023, bị cáo Cao Ngọc S đã lén lút chiếm đoạt của bà Trần Lệ T5 01 chiếc xe đạp điện hiệu Sport (NIJIA) màu đen trị giá 3.200.000 đồng tại trước nhà số 507/14 đường PVC, Phường G, Quận F. Không dừng lại ở đó, đến khoảng 10 giờ ngày 22/9/2023, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của ông Phạm Quốc M, lén lút chiếm đoạt của ông M 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave A, màu trắng đen bạc, biển số 59L2-725.40 (số khung 3904H622488, số máy JA39E0597618) trị giá 9.000.000 đồng (tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trong hai ngày 14/9/2023 và 22/9/2023 là 12.200.000 đồng). Hành vi của bị cáo Cao Ngọc S không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an xã hội. Mặt khác, bị cáo đã 02 lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản (ngày 17/7/2009, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 04 năm tù về tội «Cướp giật tài sản»; ngày 01/8/2014, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội «Cướp giật tài sản»), chưa được xóa án tích. Nay, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là «Tái phạm nguy hiểm». Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo về tội «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Bị cáo Võ Văn T2 tuy không có sự hứa hẹn trước với bị cáo Cao Ngọc S, nhưng bị cáo đã đem chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave A, màu trắng đen bạc, biển số 59L2-725.40 mà bị cáo biết rõ đó là tài sản do bị cáo S chiếm đoạt được của người khác đi cầm, rồi sau đó chuộc lại đem bán cho ông Đặng Thái H để thu lợi. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có và gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 đều là những người đã trưởng thành, các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, nhưng đều do tham lam, lười lao động chỉ vì muốn có tiền tiêu xài (đối với bị cáo Cao Ngọc S), hám lợi (đối với bị cáo Võ Văn T2), mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[3.1] Đối với bị cáo Cao Ngọc S:

[3.1.1] Trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo đã liên tiếp 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác (mỗi lần trị giá tài sản bị chiếm đoạt đều trên hai triệu đồng). Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp «Phạm tội 02 lần trở lên» được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.1.2] Ngày 17/11/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 19 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy.

[3.1.3] Ngoài ra bị cáo còn có nhân xấu, đó là ngày 27/01/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản»; ngày 15/5/2007, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 02 năm tù về tội «Cướp giật tài sản». Mặc dù bị cáo chưa thi hành xong phần bồi thường của bản án ngày 15/5/2007, nhưng qua nghiên cứu hồ sơ, căn cứ Điều 60, Điều 70 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 28, Điều 30 và Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), phần bồi thường tại bản án này đã hết thời hiệu thi hành (thời hiệu thi hành là 05 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật), do đó ở lần phạm tội này bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Còn việc bị cáo chưa thi hành phần bồi thường là do bị hại chưa đến cơ quan thi hành án nộp đơn yêu cầu bồi thường chứ không phải cơ quan thi hành án đã thụ lý mà bị cáo chưa nộp. Tuy nhiên, điều này cũng cho thấy tuy đã từng bị kết án, từng bị đưa đi cai nghiện bắt buộc, nhưng bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng, không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Chứng tỏ bị cáo là người hết sức xem thường pháp luật.

[3.2] Đối với bị cáo Võ Văn T2: Ngày 27/5/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 01 năm tù về tội «Cố ý gây thương tích». Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án này, nhưng chưa được xóa án tích. Nay, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của các bị cáo. Mặt

khác, thời điểm bị bắt giữ kết quả xét nghiệm thể hiện các bị cáo đều dương tính với ma túy, nên Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng, nhằm thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu và các tội phạm khác về xâm phạm trật tự công cộng. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo. Riêng bị cáo T2 còn thể hiện sự ăn năn hối cải, do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Việc bồi thường thiệt hại:

[7.1] Bị cáo Cao Ngọc S đã chiếm đoạt và làm thiệt hại của bà Trần Lệ T5 01 chiếc xe đạp điện hiệu Sport (NIJIA) màu đen. Tại phiên tòa, bà T5 vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra, bà T5 yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá chiếc xe này là 3.200.000 đồng (theo Biên bản ghi lời khai ngày 10/10/2023 - BL337). Xét yêu cầu của bà T5 là có cơ sở và bị cáo cũng đồng ý bồi thường, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.2] Riêng ông Đặng Thái H tại phiên tòa vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra ông H yêu cầu bị cáo Võ Văn T2 hoàn trả cho ông 8.000.000 đồng, là số tiền mà ông đã bỏ ra để mua chiếc xe gắn máy biển số 59L2-725.40 từ bị cáo. Xét thấy ông H mua chiếc xe là ngay tình, ông hoàn toàn không biết đó là tài sản do phạm tội mà có và sau khi mua xe, ông H bán lại cho ông Phạm Văn A với giá 9.100.000 đồng. Quá trình điều tra, ông H đã giao nộp lại số tiền trên cho Cơ quan điều tra Công A Quận 6, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H. Tại phiên tòa, bị cáo T2 đồng ý hoàn trả cho ông H 8.000.000 đồng mà không yêu cầu bị cáo S cùng liên đới chịu trách nhiệm (dù đã được nghe Hội đồng giải thích việc bị cáo có quyền yêu cầu bị cáo S cùng liên đới chịu trách nhiệm), nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Và xét đây cũng là quyền tự định đoạt về tài sản của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo S nộp lại số tiền mà bị cáo được chia từ việc cầm chiếc xe để sung nộp ngân sách nhà nước.

[7.3] Kể từ ngày bà Trần Lệ T5, ông Đặng Thái H có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 còn phải trả bà Trần Lệ T5, ông Đặng Thái H khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.4] Còn ông Phạm Quốc M, quá trình điều tra dù đã được nghe giải thích quyền yêu cầu bồi thường đối với số tiền 10.000.000 đồng mà ông để trong cốp chiếc xe gắn máy biển số 59L2-725.40, nhưng ông M vẫn không yêu cầu (theo Biên bản ghi lời khai ngày 04/10/2023 của Công A Quận 6 - BL391). Xét việc không yêu cầu bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Và xét đây cũng là quyền tự định đoạt về tài sản của bị hại, nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo Cao Ngọc S nộp lại số tiền này để sung nộp ngân sách nhà nước.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà bị cáo Võ Văn T2 sử dụng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đỏ, số Imei: 354402100725118, Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với 01 áo thun trắng; 01 quần Jean xám; 01 nón lưỡi trai màu xám đen đỏ; 01 đôi găng tay màu xám (bị cáo Cao Ngọc S sử dụng lúc lấy trộm tài sản), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Đối với số tiền 9.100.000 đồng do ông Đặng Thái H giao nộp. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho ông Phạm Văn A, vì đây là tiền mà ông A bỏ ra để mua chiếc xe gắn máy biển số 59L2-725.40 từ ông H. Và quá trình điều tra, ông A đã giao nộp lại chiếc xe trên để trả cho ông Phạm Quốc M. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 159/PNK ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Công A Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 12/QĐ-VKS-Q6 ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa Công A Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[8.4] Cơ quan điều tra Công A Quận 6 đã xử lý trả chiếc xe gắn máy hiệu Honda, loại xe Wave A, màu trắng đen bạc, biển số 59L2-725.40, số khung 3904H622488, số máy JA39E0597618 cho ông Phạm Quốc M; trả chiếc điện

thoại di động hiệu Samsung màu bạc, số Imei: 351902101024639/01 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu gold, số Imei: 356683111094341 cho ông Đặng Thái H; trả chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, số Imei: A866686057018318 cho ông Phạm Văn A (bút lục 330, 331, 390), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8.5] Đối với 03 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến việc Cao Ngọc S lấy trộm tài sản và ghi nhận sự việc tại tiệm cầm đồ) và 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai Cao Ngọc S, Võ Văn T2), đều đã được niêm phong (BL399), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với các ông Trần Thanh T6, Đặng Thái H, Phạm Văn A, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Viện kiểm sát xác định các ông này không biết rõ chiếc xe gắn máy biển số 59L2-725.40 là tài sản do phạm tội mà có, nên không xem xét trách nhiệm pháp lý, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9.1] Đối với người đàn ông mà bị cáo Cao Ngọc S khai mua chiếc xe đạp điện từ bị cáo ở khu vực cổng bến xe Quận 8, do bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở điều tra làm rõ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: Các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Cao Ngọc S** (Tí, Tý, Bi L) 04 (bốn) năm tù về tội «Trộm cắp tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Võ Văn T2** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có». Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Cao Ngọc S bồi thường cho bà Trần Lệ T5 3.200.000 (ba triệu hai trăm ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Võ Văn T2 hoàn trả cho ông Đặng Thái H 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Trần Lệ T5, ông Đặng Thái H có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 còn phải trả bà Trần Lệ T5, ông Đặng Thái H khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đỏ, số Imei: 354402100725118.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo thun trắng; 01 (một) quần Jean xám; 01 (một) nón lưỡi trai màu xám đen đỏ; 01 (một) đôi găng tay màu xám.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại ông Phạm Văn A 9.100.000 (chín triệu một trăm ngàn) đồng.

(theo Giấy nộp tiền ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa Công A Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Cao Ngọc S phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Võ Văn T2 phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Cao Ngọc S, Võ Văn T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Trần Lệ T5, Phạm Quốc M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công A Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công A Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên